

Số: 272/2023/QĐST-DS

Tp Cao Lãnh, ngày 08 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 158/2020/TLST-DS ngày 06/3/2020, về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Xét thấy: Tại đơn khởi kiện của bà Mai Thị Ngọc L trình bày: Cha mẹ của bà L là ông Mai Hồng A (chết năm 1988) và bà Đặng Thị M (chết năm 2013). Ông A, bà M có 02 người con là Mai Văn B và Mai Thị Ngọc L. Lúc còn sống ông A và bà M có phần đất để cất nhà mái tol, vách ván, nền lót gạch, diện tích 42,6m², đất thuộc thửa 101, tờ bản đồ số 15. Đất hiện do ông B đứng tên và sử dụng.

Năm 2013 ông B xin sửa sai quyền sử dụng đất đăng ký tăng thêm diện tích 15,7m² và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 58,3m² đất thuộc thửa 101, tờ bản đồ số 15 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 01748, số bìa BP 731904 được ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp ngày 02/01/2014. Do ông A và bà M chết không để lại di chúc nên bà L yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cha mẹ để lại. Cụ thể: Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông B đứng tên với diện tích 58,3m², thửa số 101, tờ bản đồ số 15 để chia thừa kế theo pháp luật.

Đến tháng 01/2021 ông B khai cha mẹ còn một người con riêng tên Y (đã chết năm 2018), bà Y có chồng và các con. Tòa án đã làm việc với bà L và bà L cũng thừa nhận cha mẹ bà còn người con tên Y đã chết năm 2018.

Đến tháng 5/2021 bà L cung cấp tờ khai hàng thừa kế của bà Y. Ngoài ra, cam kết không còn bất kỳ con riêng, con chung hay con nuôi nào khác của ông A và bà M.

Đến tháng 12/2021 ông B khai bà M còn một người con riêng tên G, ngụ tại An Giang. Qua lời khai của ông B thì bà L cũng thừa nhận còn một người con của bà M tên G và xin gia hạn thời gian để được cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ của ông G.

Tại phiên tòa ngày 22/6/2022 ông B khai rằng, ông A còn người con riêng tên Mai Thị S (chết năm 2011) ngụ An Giang. Bà S có chồng và các con. Tại phiên tòa có mặt bà L tham dự và bà L cũng thừa nhận ông A còn một người con riêng tên Mai Thị S (chết năm 2011) như ông B trình bày.

Tòa án thông báo cho các đương sự cung cấp hàng thừa kế của bà S, do đương sự không cung cấp được nên có yêu cầu Tòa án thu thập. Qua kết quả thu thập tại tờ xác nhận của Công an xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã xác nhận bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1942, địa chỉ Số 532, ấp Tây Thượng, xã Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang có chồng là ông Ngô Văn C, sinh năm 1930; và các con gồm:

1/ Ngô Thị P, sinh năm 1962 (đã chuyển về Phường 1, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 20/01/1986);

2/ Ngô Thị Ph, sinh năm 1965 (đã chuyển về Phường 1, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 20/01/1986);

3/ Ngô Thị B, sinh năm 1967 (đã chuyển về xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 05/3/2001);

4/ Ngô Thị B1, sinh năm 1970 (đã chuyển về xã Tân Thuận Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 22/9/1995);

5/ Ngô Thị Kim C, sinh năm 1973 (đã chuyển về xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 10/3/2014);

6/ Ngô Thị Kim D, sinh năm 1978 (đã chuyển về xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 17/7/2007);

7/ Ngô Thị Tuyết M, sinh năm 1986 (đã chuyển về xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 13/02/2019);

8/ Ngô Thị Kim C1, sinh năm 1976 là con.

9/ Ngô Hoàng Đ, sinh năm 1982 là con.

10/ Ngô Thị Bé Th, sinh năm 1987 là con.

11/ Đặng Trường A1, sinh năm 1997 là con.

Tòa án đã ra thông báo cho các đương sự cung cấp địa chỉ của hàng thừa kế bà S để Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng hết thời gian thông báo mà đương sự không cung cấp được.

Tòa án xét thấy trong vụ kiện tranh chấp chia thừa kế trên, người khởi kiện đã cố tình giấu hàng thừa kế của người để lại di sản, không cung cấp cho Tòa án từ khi nộp đơn khởi kiện. Cố tình che giấu nhiều lần gây ảnh hưởng đến thời gian giải quyết vụ kiện. Khi Tòa án ra thông báo cung cấp địa chỉ của người liên quan để đưa vào tham gia tố tụng thì đương sự không cung cấp được. Do đó, Tòa án đình chỉ vụ án theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 158/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020, về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*” giữa:

Nguyên đơn: Mai Thị Ngọc L, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Số nhà 321, đường 30/4, Khóm 2, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lợi là chị Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khóm 2, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 192, đường Nguyễn Văn Đình, Ấp 3, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Mai Văn B, sinh năm: 1958

Địa chỉ: Số nhà 323, Tổ 17, Khóm 2, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Phạm Thị M (vợ ông B)

2/ Mai Thị L (con)

3/ Mai Văn B (con)

4/ Mai Văn N (con)

5/ Trần Thị Tr

6/ Nguyễn Thị Ngọc T

7/ Nguyễn Hoàng D

8/ Mai Thị Hồng Đ

9/ Mai Hồng Nên

Cùng địa chỉ: Số nhà 323, Tổ 17, Khóm 2, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

10/ Võ Văn H, sinh năm: 1951

11/ Võ Minh S, sinh năm: 1973

12/ Võ Thị Ngọc G, sinh năm: 1976

13/ Võ Minh Ph, sinh năm: 1978

14/ Võ Minh Q, sinh năm: 1980

15/ Võ Thị Ngọc M, sinh năm: 1983

16/ Võ Minh T, sinh năm: 1989

Cùng địa chỉ: Số nhà 220, đường 30/4, Khóm 2, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của H, S, G, Ph, Q, M, T là anh Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khóm 3, Phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

17/ Nguyễn Văn G, sinh năm: 1944

Địa chỉ: Số nhà 242, ấp Thượng 1, thị trấn M, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự nếu có yêu cầu (Nhận tại Tòa án thành phố Cao Lãnh).

Về tiền tạm ứng án phí: Bà Mai Thị Ngọc L đã được miễn giảm tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Ông Nguyễn Văn G đã được miễn giảm tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Về chi phí xem xét, thẩm định; định giá tài sản tranh chấp và đo đạc: Bà Mai Thị Ngọc L phải chịu là 3.232.000 đồng nhưng bà L đã nộp và chi xong.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Mỹ